TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 03-7-2019
V/v Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.
Các *Hội thẩm nhân dân:*
Bà Nguyễn Thị Mai;
Bà Huỳnh Thị Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Quới - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Hoàng Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 về việc "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Neáng N, sinh năm 1990, cư trú: T2, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh A, có mặt;

- *Bị đơn*: Ông Chau Si N1, sinh năm 1980, cư trú: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh A, vắng mặt.

- *Người phiên dịch:* Ông Lục Tà D – Cán bộ Đài truyền thanh huyện Tịnh Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ghi ngày 24 tháng 4 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Neáng N trình bày: Về hôn nhân: Bà và ông Si N1 chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 40/TP-HT, quyển số 01/2012 ngày 20 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh A. Vợ chồng có nhà riêng sống ở ấp A, xã A, huyện T, từ tháng 9 năm 2017 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cải vã, anh Chau Si N1 tự ý bỏ nhà đi, vợ chồng sống ly thân

từ đó. Theo bà được biết, vào ngày 11 tháng 6 năm 2018 anh Chau Si N1 làm lễ ra mắt chung sống với người phụ nữ khác tại Camphuchia, sự việc này bà biết được do xem trên điện thoại gửi với nhau và hỏi người làm chung với anh Si N1 ở Campuchia. Thấy tình cảm không thể hàn gắn được, bà Neáng N yêu cầu được ly hôn với ông Chau Si N1.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung Neáng Thi Xuân H, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2013 và Chau Ra Đ, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2014. Bà yêu cầu được quyền nuôi (02) hai con chung và không yêu cầu ông N1 cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Chau Si N1 vắng mặt, tuy nhiên trong quá trình giải quyết ông Si N1 có ý kiến trình bày như sau:* Về hôn nhân: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Neáng N, vợ chồng không còn sống chung hơn 01 năm nay, do bị vợ đuổi, lúc nóng giận ông đã bỏ đi làm thuê ở Campuchia, có chung sống với người phụ nữ khác tại Campuchia, nhưng hiện nay ông không còn sống với người đó. Ông vẫn còn thương vợ con, không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Neáng N.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung Neáng Thi Xuân H, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2013 và Chau Ra Đ, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2014, hiện do bà N đang nuôi dưỡng, nếu giải quyết ly hôn ông đồng ý giao cho bà N nuôi dưỡng con Neáng Thi Xuân H, ông yêu cầu được quyền nuôi con Chau Ra Đ, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án*:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt lần thứ hai.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông Si N1 xuất phát từ sự tự nguyện, được sự thống nhất của hai bên gia đình, có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy về tình cảm giữa bà N và ông Si N1 có xảy ra mâu thuẫn từ sau khi sinh hai con, đã sống ly thân trong thời gian dài, nhưng vẫn không tạo điều kiện hàn gắn lại gia đình, theo lời

trình bày của hai bên thì cả hai đã không còn sống chung với nhau hơn một năm nay. Như vậy, thấy rằng cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung Neáng Thi Xuân H, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2013 và Chau Ra Đ, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2014. Từ sau khi bà N và ông Si N1 không còn chung sống với nhau, con chung đều do bà N nuôi dưỡng, bà N đang làm thuê có thu nhập ổn định. Để đảm bảo điều kiện sinh hoạt, không làm thay đổi cuộc sống cần tiếp tục giao con chung cho bà N nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng bà N không yêu cầu, nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà Neáng N.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Si N1 vắng mặt. Nguyên đơn bà Neáng N vẫn giữ nguyên yêu cầu và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bị đơn ông Chau Si N1 đã được Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên triệu tập hợp lệ có mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Chau Si N1 có hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã A, huyện T, tỉnh A. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà N và ông Si N1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 40/TP-HT, quyển số 01/2012 ngày 20 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh A theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo pháp luật. Bà Neáng N cương quyết xin ly hôn, nhưng ông Chau Si N1 không đồng ý. Xét thấy về tình cảm bà N và ông Si N1 có mâu thuẫn, hai bên đều xác định cả hai sống ly thân với nhau hơn một năm nay, theo nội dung xác minh tại ấp A, xã A ngày 23 tháng 5 năm 2019 xác định: *".....trong cuộc*

sống hàng ngày thấy bà Neáng N và ông Chau Si N1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau rất nhiều lần. Hiện nay thấy bà Neáng N và ông Chau Si N1 không còn chung sống với nhau, mỗi người về nhà cha mẹ ruột mình sinh sống". Như vậy, thấy rằng cuộc sống hôn nhân giữa bà N và ông Si N1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt, nên Hội đồng xét xử thấy rằng bà Neáng N xin ly hôn là có căn cứ.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung Neáng Thi Xuân H, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2013 và Chau Ra Đ, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2014. Bà N và ông Si N1 đều có nguyện vọng được quyền nuôi con chung sau khi ly hôn. Xét về yêu cầu thấy rằng, từ sau khi không còn chung sống, con chung đều do bà N nuôi dưỡng, bà N đang làm thuê có thu nhập ổn định. Mặc khác, để không làm ảnh hưởng và thay đổi hoàn cảnh sống của các cháu cần tiếp tục giao con chung cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu, nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Bà Neáng N khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch. Ông Chau Si N1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Neáng N.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Neáng N và ông Chau Si N1.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Neáng Thi Xuân H, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2013 và Chau Ra Đ, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2014 cho bà Neáng N trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ông Chau Si N1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Neáng N cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Chau Si N1 quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Neáng N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0014704 ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên. Bà N đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 40/TP-HT, quyển số 01/2012 ngày 20 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh A không còn giá trị pháp lý.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

**** Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND h.Tịnh Biên;
- Chi cục THADS h.TB;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- UBND xã A;
- Lưu HS & VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Ngọc Mỹ